

### PHẨM 3: ĐỆ TỬ

**Chánh văn:** *Lúc bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật tự nghĩ rằng: “Ta bệnh nằm trên giường”.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tự nghĩ bệnh nằm trên giường là nghĩ đến bệnh mà tự cảm thương. Phàm có thân ắt phải có bệnh, đây là lẽ thường ở thế gian, người liễu đạt tự thể hội được điều này, sao phải cảm thương? Nhưng các Trưởng giả ở thành Tỳ-da-ly đều đến thăm Phật nghe pháp, ông Duy-ma theo sự lẽ ra phải đồng đến, nhưng ngại bệnh chẳng tham dự, vì lý này mà dẫn đến thương cảm, cho nên nhờ vào việc diễn pháp để cầu Phật đến thăm.

**Chánh văn:** *Đức Thế Tôn đại Từ, đại Bi, há chẳng đoái lòng thương xót ư?*

Ngài Tăng Triệu ghi: Bậc Thượng thiện như nước, đọng hay chảy đều thuận với tâm thiện và lòng nhân từ, nên thường tùy thuận để thành tựu mà không tham tiếc. Thiện khởi thì đúng thời, vì thế hợp cơ mà chẳng sai, tự tại sống trên điều xấu của mọi người. Cho nên có thể hiện đồng bệnh như họ. Đức Thế Tôn có lòng đại Từ ắt đến thăm bệnh, nhân đó mà hoằng đạo khiến cho chỗ cứu giúp rất nhiều. Đây là bản ý của việc hiện bệnh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Vì có bệnh nên chẳng đến tham dự nghe diệu pháp, vì thế đáng xót thương. Việc đáng xót thương này theo lý phải thân cận, còn theo sự thì đối với việc đáng xót thương cần phải sai người đến an ủi thăm hỏi, mà nay Đức Phật có lòng đại Từ nghĩ đến tất cả, lại chẳng sai đến thăm, há ngài chẳng xót thương ư? Đây là theo thường tình để mong người đến thăm, há còn ở nơi tâm ta ư? Đó là vì chung cho tất cả chúng sinh ở mai sau. Nếu Phật sai người đến, thì những điều tệ hại của bệnh trước kia bỗng chốc hóa thành việc tốt lành hết sao? Điều trái với thường tình như thế thì chẳng đúng.

**Chánh văn:** *Đức Phật biết ý nghĩ này liền bảo Xá-lợi-phất rằng: “Ông nên đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật”.*

Ngài La-thập nói:

- Trong pháp Thanh văn, thì A-la-hán có trí tuệ vô lậu thù thắng, còn Bồ-tát thì có trí tuệ thù thắng. Trong Đại thừa thì hai tuệ của Bồ-tát đều thù thắng. Nay căn cứ theo pháp Thanh văn để nói về Đại tiểu, nên trước bảo các đệ tử. Ngài Xá-lợi-phất là bậc có trí tuệ bậc nhất trong

hàng đệ tử Phật, vì thế được sai bảo đầu tiên. Biết Xá-lợi Phất chẳng kham nhận mà còn sai bảo, là muốn hiển thị biện tài của ông Duy-ma thù thắng hầu phát khởi toàn chúng hội; lại sai bảo những vị khác, là vì muốn khiến cho mỗi mỗi khen ngợi đức hạnh cao đẹp của ông Duy-ma, đồng thời nói rõ về trí tuệ biện tài vô cùng của ông ấy. Ở đây nói: “Yên tọa”, còn bản Phạm ghi là: “Nhiếp thân tâm”.

Ngài Tăng Triệu nói:

- “Bậc Chí nhân tâm rộng rang thông đạt, theo lý trước phải nhờ vào hình tượng và ngôn ngữ hợp cơ để ngấm ứng, cho nên khiến đến thăm bệnh. Ngài Xá-lợi-phất là bậc Trí tuệ bậc nhất trong năm trăm đệ tử, nên được sai bảo trước. Như Lai biết đại chúng chẳng kham nhận mà còn sai bảo là vì muốn hiển đức của ông Tịnh Danh thật vô cùng, để chúng hội sinh tâm kính ngưỡng. Xá-lợi là tên của người mẹ; Phất, Hán dịch là Tử; Ở Thiên Trúc phần nhiều lấy tên người mẹ đặt cho tên con.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nói “biết ý nghĩ” tức là đạt được chỉ thú. Ngày hôm nay sai bảo, lẽ ra quy về ngài Văn-thù, nhưng sai bảo các vị khác là nhờ vào phép tắc sai sứ thông thường để hiển đức độ của ông Duy-ma-cật. Đức do đây mà hiển, tức đã tạo thành từ xưa ngày nay ắt phải suy tôn, suy nếu có lý thì lý ấy đáng quý vậy. Ví như mình đã phục đức độ mà nương gá, nghe lý đáng quý trọng, thì đến khi luận về bệnh há chẳng ngộ ư? Phàm phép tắc sai sứ thì phải từ gần đến xa, vì thế trước bảo đệ tử, sau sai Bồ-tát. Ngài Xá-lợi-phất là bậc Đệ nhất, thừa thọ giáo pháp của Như Lai, nên được sai bảo đầu tiên.

**Chánh văn:** Xá-lợi-phất bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con không thể kham nhận đến thăm bệnh ông ấy!”.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Vông lãnh sứ mệnh của Phật phải là người quan trọng, Đại sĩ Tịnh Danh là bậc có trí tuệ vô lượng, hàng đệ tử chẳng có khả năng kham nhận. Vả lại, xưa đã từng bị quở trách mà im lặng chẳng thể đáp trả, nay há dám xem thường sứ mạng để dẫn đến bị chê là kém cỏi ư?

Đạo Sinh nói: Phàm dùng diệu mà cư sĩ thô, không đến thì chẳng tận biết, nay lại hợp các bảo cái là ứng hợp quần sinh, đối với ngài Xá-lợi-phất há có lúc chẳng kham nhận ư? Ý nghĩa chẳng kham ở tại nơi đây. Nay há lại muốn hiện, nếu thật thì cần phải có chỗ nương gá. Ông Duy-ma-cật ứng tích biện luận nhanh nhẹn, cả nước đều kính sợ, người đến ắt nêu lý để luận bàn, nhưng ngài Xá-lợi-phất từng bị khuất phục

nơi ông ấy, cho nên chẳng kham nhận, ai cho rằng có hư dối?

**Chánh văn:** *Vì sao? Nhớ khi xưa, con đang yên tọa nơi cội cây trong rừng, thì ông Duy-ma-cật đến nói với con rằng: “Thưa ngài Xá-lợi-phất! Chẳng cần ngồi như thế mới là yên tọa.”*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp không hiện bày dấu tích, đã học từ trước, khi yên tọa nơi cội cây trong rừng, ông Tịnh Danh đến cho rằng phép ngồi chẳng đúng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Có những lời này chẳng phải là để từ chối sứ mệnh của Như Lai, mà nhờ vào lời chẳng trái mệnh này suy tôn đức cao đẹp của ông Duy-ma. Nói “chẳng cần thế”, tức chẳng nói không phải như thế mà chỉ nói chẳng cần như thế vậy. Chẳng nói không phải thế, tức thật có thể cho đó là phương tiện cầu định. Nói ‘chẳng cần như thế’, là có thể dẫn đến bệnh, bệnh nơi chẳng bệnh, chẳng đáng quở trách ư? Ngài Xá-lợi-phất thật không có chỗ trả lời. Nhờ vào hành nghi để làm phép tắc cho chúng sinh, việc làm chính là việc hiện bệnh của ông ấy. Ông Duy-ma-cật trụ ở giai vị Bất tức, chắc có thể nhờ vào đó để quở trách, thế thì khi xưa ngài Xá-lợi-phất đã bị khuấy phục. Yên tọa giống như cư trụ nơi vắng vẻ.

**Chánh văn:** *Yên tọa, tức chẳng hiện thân ý nơi ba cõi là yên tọa.*

Ngài La-thập nói:

- Chương này luận về Chí định để chỉ dạy người chưa đạt được, chứ chẳng phải chỉ nói về Không. Bồ-tát an tâm nơi chân cảnh, thức chẳng dong ruổi theo ngoại cảnh, thì tâm này chẳng hiện. Pháp Hóa thân vượt ngoài ba cõi, thân tâm này đều ẩn nơi cảnh giới cùng tột của thiền định. Hàng Thanh văn tuy có thể ẩn thân nơi Phật pháp, nhưng chưa thể chẳng hiện thân kia, thân hiện nơi ba cõi thì bị trói buộc nơi vật, nên ẩn mà còn hiện, chưa khéo thâm nhiếp. Cũng có thể nói rằng ngài Thân Tử khi nhập thiền định thì khiến cho tâm ẩn, thân còn hiện, nên bị chê trách.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phạm pháp thân yên tọa thì hình và tâm đều bật, đạo lìa thường cảnh, thấy nghe chẳng được, vậy há có hiện thân nơi ba cõi ư? Tu tâm ý mà cho là định ư? Ngài Xá-lợi-phất còn có thân sinh báo thế gian, còn ý căn báo, nên cho rằng nhân gian là chốn ưu phiền mà cầu phải yên tọa nơi rừng vắng, chưa thể đạt đến đỉnh cảnh giới hình tâm đều dứt bật, không dấu tích, nên dẫn đến bị chê trách, phạm ý chỉ phát khởi sự là để lợi ích cho nhiều người, đâu chỉ nơi người và ta mà lấy thị phi

làm tâm ư?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm yên tọa nơi rừng vắng là để ẩn thân mình, nếu chẳng ẩn hình ắt bị sự (cảnh) làm xao động, vì thế ẩn thân để tránh sự, cho rằng đó là phương pháp cầu định. Nhưng ẩn có hoạn họa là hình chẳng ẩn. Vả lại, nếu chấp cho là chẳng ẩn cũng là hoạn, mà ẩn còn bị chẳng ẩn hoặc loạn, chẳng thể cho là ẩn. Ẩn hình vốn là muốn dấu ý, ý chẳng dấu thì bị sáu trần kéo dắt, vì thế dấu ý để chẳng thấy điều ham muốn, nhân đó mà dứt các dục. Nhưng giấu mà có hoạn là ý chẳng giấu. Vả lại, chấp cho là chẳng giấu cũng là hoạn, mà giấu còn bị chẳng giấu làm hoặc loạn, vì thế chưa thể gọi là giấu. Nếu ở nơi ba cõi chẳng thấy có nơi chẳng ẩn chẳng giấu thì chẳng bị nó làm hoặc loạn, đó mới chính là ý nghĩa ẩn giấu. Có chẳng ẩn chẳng giấu thì có hiện, hiện ắt chẳng ra khỏi ba cõi, cho nên nói chẳng hiện thân ý nơi ba cõi.

**Chánh văn:** *Chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi là yên tọa.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩa là tuy đã nhập diệt định mà có thể hiện vô lượng các thứ biến hóa để ứng hợp chúng sinh.

Ngài Tăng Triệu ghi: Hàng Tiểu thừa nhập diệt định thì hình như cây khô, không có công năng vận dụng. Bạc Đại sĩ vào thật tướng định thì tâm trí vĩnh viễn diệt, mà hình biến khắp tám cực, tùy thuận cơ duyên mà làm, ứng hợp vô cùng; cử động, đến đi, dừng trụ chẳng bỏ oai nghi, đó chính là yên tọa, cũng là chỗ cùng cực vậy. Trên nói chẳng hiện thân ý nơi ba cõi, ở đây nói hiện các oai nghi, nghĩa là vì không hiện, nên có thể hiện cùng khắp, hiện cùng khắp tức là thể của không hiện, ngõ hầu để cho bạc Quân tử tham cứu huyền chỉ hội được vì sao đồng, mà đồng vì sao lại khác biệt.]

**Chánh văn:** *Chẳng bỏ đạo pháp mà hiện phàm phu là yên tọa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tiểu thừa bị sinh tử làm ngăn ngại nên chẳng thể hòa quang đồng trần tục. Bạc Đại sĩ thì đẹp xấu bình đẳng, đạo tục như nhau, cho nên suốt ngày là phàm phu mà suốt ngày là đạo pháp. Ngài Tịnh Danh có đời sống gia đình, chính là việc này.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã ẩn nơi rừng vắng, thì phải cầu định, phép cầu định, trước nên chánh thân ngay ngắn, chẳng dao động, vì chẳng động, nên chẳng trái với định; vì chánh thân nên chẳng trái với đạo. Đây có thể nói là

thuật khéo léo để cầu định. Nếu chấp trước dùng bất chánh trái đạo mà chánh thân, dùng động trái định mà trụ thì sẽ bất chánh và động hoặc loạn, chẳng thể cho đó là yếu chỉ chánh thân bất động được. Nếu chẳng khởi diệt định mà liền hiện các oai nghi thì chẳng thấy oai nghi khác với định, không khác thì không trái nhau. Oai nghi là động, diệt định tức diệt pháp tâm tâm sở tức là định. Định này là chỗ cùng tột trái với hình động, cho nên chỉ được nêu lên mà thôi. Nếu chẳng bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, thì chẳng thấy việc phàm phu khác với đạo, việc phàm phu là thân bất chánh. Oai nghi và việc phàm phu nói tại câu sau là vì bệnh, ý tại nơi đây, cho nên dùng câu trên để dẫn phát.

**Chánh văn:** *Tâm chẳng ở trong chẳng ở ngoài là yên tọa.*

Ngài La-thập nói:

- Bạc Thánh Hiền nhiếp tâm gọi là ở trong, phàm phu tâm tưởng dong ruổi gọi là bên ngoài. Nói chẳng ở trong chẳng ở ngoài là tâm trong ngoài bình đẳng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thân là nhà huyễn, há có trụ trong đó? Vạn vật thì hư dối há có theo bên ngoài? Tiểu thừa phòng hộ niệm khởi, nên buộc tâm ở bên trong; phàm phu tham cầu nhiều, nên dong ruổi ở bên ngoài. Bạc Đại sĩ quán xét thấy bình đẳng nên trong ngoài chẳng nương gá.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã chánh thân chẳng động, kể đó nên nhiếp niệm; pháp nhiếp niệm, nếu niệm chạy theo cảnh duyên thì khiến thân nhiếp trở về; niệm chạy theo duyên sự gọi là dong ruổi bên ngoài, thân nhiếp trở về mình gọi là bên trong. Nếu cho rằng chạy theo bên ngoài là loạn, trụ bên trong là định thì liền bị trong ngoài lôi kéo, chẳng thể cho đó là ý chỉ của nhiếp niệm. Tâm chẳng trụ bên trong thì không có bên trong để trụ, cũng không tại bên ngoài tức không có cảnh bên ngoài để duyên, sau đó mới chẳng bị bên trong ngoài lôi kéo.

**Chánh văn:** *Chẳng động nơi các kiến.*

Ngài La-thập nói:

- Nếu cho các kiến là động tức kiến chấp.

**Chánh văn:** *Mà tu ba mươi bảy phẩm là yên tọa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các kiến tức sáu mươi hai vọng kiến. Phàm nếu cho kiến là kiến thì cần phải động, xả bỏ các kiến để tu đạo phẩm, bạc Đại sĩ quán chân tánh các kiến là đạo phẩm, cho nên chẳng cần gần thì xả bỏ các kiến, xa thì tu đạo phẩm.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nghĩa nhiếp niệm cần phải đạt đạo ấy, vậy đạo ấy ở đâu? Tại chánh quán, Chánh quán tức ba mươi bảy phẩm, ba mươi bảy phẩm quán là gốc để thấy lý, vì từ lý mà thấy, nên ý có thể trụ, nếu chấp quán được lý, tức bị quán mê hoặc, lại mất lý, chẳng thể cho là quán. Nếu đối với các kiến chẳng động mà hành ba mươi bảy phẩm, thì chẳng thấy ba mươi bảy phẩm khác với các kiến vậy chẳng bị mê hoặc. Chẳng động tức chẳng theo nó. Các kiến tức tà kiến.

**Chánh văn:** *Chẳng đoạn phiền não mà vào Niết-bàn mới là yên tọa.*

Ngài La-thập nói:

- Phiền não tức Niết-bàn, nên chẳng thể đợi đoạn này rồi sau mới vào.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bảy sử, chín kết não loạn chúng sinh, nên gọi là phiền não. Chân tánh của phiền não tức là Niết-bàn. Người có sức tuệ mạnh thì quán phiền não tức nhập Niết-bàn, chẳng đợi đoạn rồi mới nhập.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã quán lý được tánh, thì các trói buộc liền hết, nhập Niết-bàn. Nếu lại cho Niết-bàn là quý trọng mà muốn chấp giữ, thì liền bị Niết-bàn trói buộc. Nếu chẳng đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, chẳng thấy có Niết-bàn khác với phiền não, nên không bị trói buộc. Hai câu trên này cũng nêu chỗ bệnh ở dưới, nên dùng câu trên mà dẫn phát.

**Chánh văn:** *Nếu ngồi được như thế thì chư Phật mới ấn khả.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đây là pháp tọa bình đẳng được chư Phật ấn khả, há như pháp tọa có đối đãi của nhân giả sao?

**Chánh văn:** *Bạch Thế Tôn! Bây giờ, con nghe những lời ấy xong thì im lặng, không thể trả lời được.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Lý vượt ra ngoài tâm ý, chẳng biết chỗ đối đáp.

**Chánh văn:** *Cho nên con chẳng kham nhận đến thăm bệnh ông ấy. Đức Phật lại bảo ngài Đại Mục-kiền-liên rằng:*

Ngài La-thập nói:

- Mục-kiền-liên, Mục-liên là một họ của dòng Bà-la-môn, tên là Câu-luật-đà; Câu-luật-đà là tên của một vị thần cây. Vì câu vị thần này mà sinh ra ngài, nên đặt tên như thế. Lúc mới sinh đã có đại trí tuệ nên gọi là Đại Mục-kiền-liên. Là bậc Thần tức đệ nhất.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Mục-kiền-liên là bậc có Thần túc bậc nhất trong các đệ tử Phật, thuộc dòng Bà-la-môn, họ là Mục-kiền-liên, tên là Câu-luật-đà.

**Chánh văn:** “*Ông đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật*”.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phạm tài lực của người thì có trường đoản, khả năng khác nhau. Ngài Xá-lợi-phất tự cho chẳng thể làm được, còn những người khác đâu cần cũng như thế, cho nên Đức Phật chẳng thể bỏ qua mà chẳng bảo. Vả lại, nhân đó để hiển bày đức cao của ông Duy-ma.

**Chánh văn:** *Mục-kiền-liên bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng kham nhận đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ khi xưa, con vào thành lớn Tỳ-da-ly, ở nơi một ngôi làng kia thuyết pháp cho các Cư sĩ nghe.*

Ngài La-thập nói:

- Hàng Cư sĩ, trí tuệ lanh lợi lẽ ra phải nghe thẳng về thật tướng, nhưng ngài Mục-liên chưa thấy rõ căn cơ của người, y theo lúc bình thường mà nói pháp, trước dùng bảy việc như Bồ thí, Trì giới... để khai phát Cư sĩ, các Cư sĩ nghe nói Thí, Giới... được phước sinh về cõi Trời, thì khởi tưởng chúng sinh, khởi tưởng về chúng sinh thì đối với các pháp vọng sinh các tướng. Cho nên lập chương trước nói không chúng sinh, sau phá các tướng, thế mới có thể phản mê mà hợp với bản thức.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Kinh chẳng ghi những điều ngài Mục-liên nói, nhưng căn cứ theo ý chê trách sau thì biết ngài Mục-liên thuyết các pháp thiện hữu vi như Thí, Giới...

**Chánh văn:** *Lúc ấy ông Duy-ma-cật đến nói với con rằng: “Thưa ngài Đại Mục-liên! Nói pháp cho các Cư sĩ, chẳng phải như pháp mà ngài đang nói đó!”.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngài Tịnh Danh quán căn cơ của các Cư sĩ, lẽ ra phải được nghe pháp “không”, nhưng ngài Mục-kiền-liên, chẳng khéo quán xét căn cơ, nên dùng pháp “hữu” để chỉ dạy, vì thế bị chê trách.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thuyết pháp vốn muốn khiến cho người tôn quý pháp, trừ bỏ phi pháp; nếu họ quý pháp thì chấp trước mà thích Tiểu; thích pháp Tiểu thừa thì chỉ muốn lìa bệnh, nhưng lại trái với gốc Đại thừa; chấp trước thì nghịch với lý pháp; trái nghịch thì thật xuất phát từ tâm của họ mà việc thuyết pháp có thể dẫn đến làm mờ lấp căn cơ của họ. Lại có dấu

hiệu thuyết chẳng như pháp, hàng cư sĩ chẳng phải là những người chấp giữ đạo, mong rằng chẳng nghe thuyết lý lìa tục, để không tổn thương bản tâm của họ. Vả lại, cư sĩ lấy sự tham trước làm bản hoài, chẳng thể làm cho họ thấy pháp mà quý trọng để xa lìa tâm tham trước kia. Cho nên nói: “Thuyết pháp cho các cư sĩ, chẳng phải như pháp mà ngài đã nói”.

**Chánh văn:** *Phàm thuyết pháp thì nên thuyết như pháp.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp tức là pháp nhất tướng chân thật. Nghĩa của pháp sẽ thuật đầy đủ ở văn sau.

**Chánh văn:** *Pháp không chúng sinh, vì lìa chúng sinh cấu.*

Ngài La-thập nói:

- Chúng sinh cấu tức hai mươi thân kiến. Vọng kiến chấp giữ các tướng, nhưng pháp rốt ráo vô tướng, theo lý trái với các kiến nên nói là lìa. Từ đầu đến cuối của chương này đều dùng hai nghĩa để nói về rốt ráo không. Hai nghĩa là:

1. Lìa tướng.
2. Lìa kiến.

Vì người mê hoặc nói có tướng, cho nên dùng lìa tướng để nói vô tướng. Còn hàng tà đạo tuy có khởi vọng kiến, mà nói pháp vô kiến, cho nên dùng lìa kiến để nói không có tướng kiến do vọng tưởng của họ khởi lên. Từ đây trở xuống phàm có nói: không danh, không thuyết, lìa thức, lìa quán thì cũng giống như lìa kiến vậy.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Từ đây trở xuống là luận về nghĩa chân pháp. Phàm còn chúng sinh thì cấu nhiễm chân pháp, nếu ngộ được pháp không chúng sinh thì cấu ấy tự lìa. Chúng sinh do chấp ngã quá nặng, cho nên trước tiên nói không chúng sinh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Từ đây trở xuống, phần lớn bàn về pháp lý. Pháp có hai là chúng sinh không và pháp không, thật ra thì chẳng khác, nhưng đối với người mê hoặc thì việc chứng ngộ có khó và dễ khác nhau, nên phân biệt như thế. Chúng sinh do sự tổng hợp mà thành Thể, ý chẳng thật trụ trong đó, rõ ràng có thể lãnh hội được, cho nên nói là dễ. Pháp thì độc lập, ý thú gần thật, rất nhiều, nên nói là khó. Nay trước luận về chúng sinh không; nói pháp không chúng sinh, tức lấy không chúng sinh làm pháp. Vì lìa chúng sinh cấu là lời giải thích; tức nói chúng sinh tự ra khỏi tình thức chấp trước, chứ chẳng phải lý như thế. Tình thức chẳng theo lý, gọi



là cấu, nếu thấy được cấu thì tình và cấu ắt bị diệt hết. Dùng lia cấu mà nghiệm xét thì biết không có chúng sinh. Chúng sinh tức do mọi sự hợp lại mà sinh, cũng gọi là chủ tử.

**Chánh văn:** *Pháp không có ngã, vì lia ngã cấu.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ngã tức tự tại, nói là chủ vậy.

**Chánh văn:** *Pháp không có thọ mạng, vì lia sinh tử.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sinh và tử tức khởi đầu và kết cuộc của mạng. Đầu cuối đã lia thì thọ mạng chẳng có. Nói lia tức là tên khác của “giai không” (đều không).

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tồn tại ở thế gian gọi là mệnh, được một trăm năm gọi là thọ, cũng có thể gọi là có thọ mạng vậy. Thọ mạng là quả báo của các hành vi đời trước, là pháp sinh tử. Phàm có cấu uế thọ mạng thì có khổ lụy sinh tử; từ nơi đã lia khổ lụy mà nghiệm biết không có người thọ mạng thì càng rõ ràng thêm. Chẳng nói thọ mạng mà nói sinh tử là vì thọ mạng là điều mà con người yêu mến, nếu nghe nói xa lìa, ắt hẳn là chẳng vui thích; còn sinh tử là pháp mà con người đều ghét chán, nếu nghe nói xa lìa, thì hết thảy đều vui mừng.

**Chánh văn:** *Pháp không có nhân (người) vì mé trước mé sau đều đoạn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trời sinh vạn vật, có loài người là quý trọng nhất. Trước sau chẳng biến đổi gọi là người, vì thế ngoại đạo gọi người là thần, nghĩa là trước sau chẳng biến. Nếu mé trước mé sau của pháp đều đoạn dứt, thì các pháp mới sinh khác nhau, pháp mới sinh khác nhau, thì không thể không biến đổi, không thể không biến thì không có người.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Người là một vật có tánh linh so với đất gỗ; là vật có đến đi sống chết, đến đi chắc chắn là vô cùng, nếu đoạn thì càng đáng vui thích.

**Chánh văn:** *Pháp thường vắng lặng, vì các tướng đều diệt.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phàm có tướng thì những điều sai khác hình thành, những sai biệt hình thành thì thị phi khởi, thị phi đã khởi, thì đâu được vắng lặng. Nếu các tướng đã diệt thì không đâu chẳng vắng lặng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Bốn câu trên là nói về chúng sinh không, từ đây trở xuống là

hai mươi sáu câu nói về pháp không. Vắng lặng tức là vắng lẽ vô sự. Tướng tức là hình dáng của sự, chúng sinh dễ biết, chấp trước thì tướng mê hoặc nặng, vì nó làm cấu nhiễm sự sáng tỏ ở bên trong, pháp thì khó ngộ, nếu chấp trước, thì hoặc nhẹ, vì nó làm mê mờ sự hiển hiện ở bên ngoài.

**Chánh văn:** *Pháp lìa tướng, vì không có cảnh duyên.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Duyên tức tâm duyên, tướng tức là hình ảnh và âm thanh của tâm.

Phàm có duyên nên có tướng, không có duyên thì không có tướng.

**Chánh văn:** *Pháp không danh tự vì nẻo ngôn ngữ đoạn dứt.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Danh tự sinh từ lời, lời đã đoạn thì cái gì là danh?

**Chánh văn:** *Pháp không thuyết, vì lìa giác quán.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Giác quán thuộc về tâm thô, là gốc của ngôn ngữ. Chân pháp vô tướng nên giác quán tự lìa, đã lìa giác quán thì không có ngôn thuyết. Nhị thiền trở lên không còn giác quán, cho nên nói Thánh Hiền im lặng.

**Chánh văn:** *Pháp không hình tướng, vì như hư không.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Vạn pháp có vạn hình, vạn hình thì sinh vạn tướng.

**Chánh văn:** *Pháp không hý luận, vì rốt ráo không.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chân cảnh thì không lời, nếu có luận bàn thì đều rỗng suông, diệu tuyệt ngôn cảnh mới là rốt ráo không.

**Chánh văn:** *Pháp không ngã sở, vì lìa ngã sở.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trên đã nói là vô ngã, đây nói vô ngã sở. Tất cả các pháp ngoài tự ngã đều gọi là ngã sở.

**Chánh văn:** *Pháp không phân biệt vì lìa các thức.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phân biệt sinh từ thức.

**Chánh văn:** *Pháp không có so sánh, vì không đối đãi.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các pháp đối đãi nhau mà sinh, giống như dài ngắn đối đãi nhau mà hình thành.

**Chánh văn:** *Pháp chẳng thuộc nhân, vì chẳng tại nơi duyên.*

Ngài La-thập nói:

- Lực mạnh là nhân, lực yếu là duyên.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trước sau nương nhau mà sinh tức là nhân, sức trợ giúp để thành hiện tướng gọi là duyên. Các pháp cần phải có nhân duyên nương giúp nhau, sau đó mới thành lập được. Nếu quán các pháp chẳng tại nơi duyên thì pháp cũng chẳng thuộc nhân.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nhân, nghĩa là trước chưa có việc ấy mà nay từ kia sinh; duyên, tức vốn đã có phần việc ấy mà nay theo kia phát khởi: Nhân vốn lấy sinh làm nghĩa, nên nay chẳng thể sinh, há lại nói sinh ư? Thế thì nhân chẳng thành nhân vậy. Nhân gần cho nên khó hiểu, duyên xa nên dễ hiểu. Nay y cứ theo chỗ dễ để giải thích chỗ khó, thì đều dễ, vậy nhân gần nên nói là thuộc, duyên xa nên nói là tại.

**Chánh văn:** *Pháp đồng pháp tánh, vì vào các pháp.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Như, pháp tánh, chân tế, ba không này đồng nhất thật, nhưng dụng quán có sâu cạn, nên lập ba tên. Mới thấy thật pháp, như từ xa thấy cây biết nhất định là cây, đó gọi là Như. Thấy pháp càng sâu, như ở gần thấy cây biết là cây gì, đó gọi là Pháp tánh. Thấy rõ ràng cùng tận các pháp, như biết rõ ràng cành lá gốc rễ của cây, đó là Thật tế. Cả ba chưa từng chẳng phải là cây, nhưng do thấy khác nhau mà thôi, chân pháp được thuyết cũng đồng với ba không này. Vào các pháp, nghĩa là các pháp có tướng trạng khác nhau, ai có thể vào khắp, cái vào được khắp các pháp chỉ có pháp tánh mà thôi!

Ngài Đạo Sinh nói:

- Pháp tánh tức phần gốc của pháp, phạm do duyên mà có tức giả có, giả có thì chẳng phải là tánh “có” “có” đã chẳng phải tánh, đó chính là bản phần của pháp. Thế thì pháp và pháp tánh, lý chỉ là một mà tên lại khác, cho nên nói là đồng. Tánh cần phải đồng nên nói là đồng. Các pháp đều khác nhau, mà pháp nhập vào đó, thì một thống nhiếp nhiều vậy. Thống nhiếp nhiều thành một, vì thế đồng pháp tánh.

**Chánh văn:** *Pháp tùy như, vì không chỗ tùy.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp tự chẳng phải pháp, cái gì lại là tùy như? Vì không chỗ tùy, nên nói là tùy như.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Như tức không gì chẳng như, nếu có chỗ để tùy thì thành dị, chẳng thể tùy được, nếu đều không có chỗ tùy thì mới được tùy, bởi vì

danh khác thật, nhân đó nên có lời tùy. “Như cần” phải nói là tùy, nên dùng “tùy” để nói về như.

**Chánh văn:** *Pháp trụ thật tế.*

Bản khác ghi: “Pháp đồng như, pháp tánh và thật tế”.

Ngài La-thập nói:

- Ba pháp này đồng một thể, nhân khi quán có sâu cạn, mà đặt ba tên. Mới thấy Thật, gọi là Như; thấy đã sâu thì gọi là Tánh; thấy tận cùng mé thật gọi là thật tế. Vì hạng người mới học bị sáu tình trói buộc, tâm tùy theo cảnh mà biến đổi, khi quán thấy đồng, khi xuất quán thì thấy khác, nên nói các pháp đồng với ba pháp này.

**Chánh văn:** *Vì các bên chẳng động.*

Ngài La-thập nói:

- Có, không, sai, đúng tất cả đối với thật là các bên. Nói có mà chẳng phải có, nói không mà chẳng phải không, tuy các bên trần khởi mà chẳng thể chuyển làm cho nó biến khác. Cho nên nói các bên chẳng động.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Có bên nên có động, không có các bên đâu có động? Bên mà không bên là thật tế. Đây là chỗ trụ của chân pháp.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Các bên hữu vô, chẳng thể biến cải các pháp, khiến pháp thay đổi, thế thì không có bờ mé, bờ mé không bờ mé chính là mé thật (thật tế). Pháp bất động trụ ở nơi đây.

**Chánh văn:** *Pháp chẳng lay động, vì chẳng nương sáu trần.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sáu tình y cứ vào sáu trần nên có sự dao động, pháp vốn không nương giá nên không dao động.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Sáu trần mỗi mỗi đều có chủ, về mặt sự thì chúng khuynh đoạt lẫn nhau nên có nghĩa dao động. Đã có dao động thì liền thành sai biệt, mà chẳng phải là thật.

**Chánh văn:** *Pháp không khứ lai, vì thường chẳng trụ.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu pháp thường trụ, thì sẽ từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại về quá khứ, pháp trải qua ba thời thì có khứ lai, vì pháp không thường trụ nên không khứ lai (đến đi).

**Chánh văn:** *Pháp thuận không.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu chấp trước thì trái với lý quá xa. Cho nên đối với “không” cần phải thuận.

**Chánh văn:** *Vì tùy vô tướng.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Không tựa như có tướng không, nhưng không nếu có không thì thành có, chẳng thể cho là không, nên nói vô tướng. Đã thuận thì phải tùy vô tướng.

**Chánh văn:** *Ứng với vô tác.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đồng với ba không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ngăn trừ để thành vô tướng, tựa như có ý tạo tác, nếu có ý tạo tác thì chẳng hợp lý, nên nói vô tác. Đã thuận không, tùy vô tướng thì sẽ ngầm hợp với vô tác.

**Chánh văn:** *Pháp lìa tốt xấu, pháp không tăng giảm, pháp không sinh diệt, pháp không chỗ về, pháp vượt ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Vượt ngoài cảnh thường, chẳng phải là nơi mà sáu tình có thể vịn đến.

**Chánh văn:** *Pháp không cao thấp, pháp thường trụ bất động.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chân pháp thường trụ, Hiền Thánh cũng chẳng thể dời đổi nó được.

**Chánh văn:** *Pháp lìa tất cả quán hạnh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp vốn vô tướng, chẳng phải là chỗ thấy của quán hạnh, cái có thể thấy được pháp chỉ là vô quán mà thôi.

**Chánh văn:** *Thưa ngài Mục-kiền-liên! Pháp tướng như thế, há có thể nói được ư?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tâm quán còn chẳng thể biết, hà huống là ngôn thuyết?

**Chánh văn:** *Phàm người thuyết pháp thì không thuyết không chỉ, người nghe pháp thì không nghe không đắc.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Không thuyết chữ nào nói không lời, nghĩa là thường không nơi pháp được thuyết, không nghe chữ nào nói chẳng có nghe, nghĩa là thường không nơi pháp được nghe kia. Không nơi pháp được thuyết thì suốt ngày thuyết mà chưa từng thuyết. Không nơi pháp được nghe thì

suốt ngày nghe mà chưa từng nghe. Chỉ tức là thuyết pháp chỉ dạy cho người; đặc tức nghe pháp mà chứng đắc.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Pháp đã nói như ở trước, thì có gì để thuyết. Vả lại, đây đã không thuyết thì kia há có nghe ư?

**Chánh văn:** *Ví như nhà huyễn thuật thuyết pháp cho người huyễn nghe, thì nên lập ý thế nào mà thuyết pháp.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nên như người huyễn, dùng vô tâm mà thuyết.

**Chánh văn:** *Nên biết căn cơ chúng sinh có lợi độn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Hàng Cư sĩ nên nghe nghĩa không, mà ngài Mục-liên nói pháp có, là do ngài Mục-liên chưa biết được căn cơ chúng sinh.

**Chánh văn:** *Khéo léo nơi tri kiến không ngại ngại.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thuyết có mà chẳng luận đến không, đó là do tri kiến vô ngại đối với các pháp của ngài chưa hoàn toàn khéo léo. Tri kiến vô ngại tức là trí thật tướng.

**Chánh văn:** *Dùng tâm đại Bi khen ngợi Đại thừa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tự xả bỏ nghĩa không mà có chỗ để thuyết thì đều chẳng phải là tán thán Đại thừa, chẳng phải hoằng dương tán thán đạo Đại thừa chẳng có tâm đại Bi.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu rõ biết được căn cơ thì sẽ không nói pháp Tiểu thừa. Phàm nói đến Đại thừa, ắt phải có lời tán thán Đại thừa, tán thán Đại thừa thì hợp với bản (gốc), đã hợp với bản, thì người ấy có thể cứu bạt gốc khổ, thường cứu bạt, thì sau đó mới có lòng đại Bi. Đây là chê trách ngài Mục-liên không biết căn cơ để trừ bỏ tâm thích Tiểu thừa của họ.

**Chánh văn:** *Nghĩ đến báo ân Phật chẳng đoạn Tam bảo.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phàm lập được đại Bi, tán thán được Đại thừa, báo được ân Phật, hưng long được Tam bảo, đều là do biết rõ được căn cơ chúng sinh, khéo ngộ được thật tướng, mà ngài Mục-liên lại thiếu sót các điều kiện này, nên cần phải chỉ dạy.

**Chánh văn:** *Sau đó mới thuyết pháp.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu đầy đủ các điều kiện đã nêu thì có thể thuyết pháp.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thành tựu Đại thừa chính là kế tục dòng giống Phật; khiến cho Tam bảo chẳng đoạn là báo ân Phật, sau đó mới được thuyết pháp.

**Chánh văn:** *Khi ông Duy-ma-cật thuyết pháp này xong, có tám trăm cư sĩ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con không có được biện tài như thế, nên không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy. Đức Phật lại bảo Đại Ca-diếp rằng:*

Ngài La-thập nói:

- Ngài Ca-diếp xuất gia trước Phật, là một đệ tử có hạnh Đầu-đà đệ nhất. Khi xưa, một hôm ngài Ca-diếp từ trong núi rừng mới ra, thân hình dơ dáy, y phục rách nát đến trụ xứ của Phật, các vị Tỳ-kheo thấy thế liền sinh tâm khinh thường. Đức Phật muốn trừ tâm khinh mạn của các Tỳ-kheo, nên khen rằng: “Ca-diếp! Vui mừng ông đã đến!” Rồi phân tòa đồng ngồi. Ngài Ca-diếp từ chối nói rằng: “Phật là Đấng Đại Sư, còn con là Đệ tử, sao dám cùng ngồi!”. Đức Phật liền nói: “Ta có đủ Thiên định, Giải thoát, Trí tuệ, Tam-muội, Đại Từ, đại Bi giáo hóa chúng sinh, ông cũng được như thế, có gì khác nhau?” Các Tỳ-kheo nghe như thế liền sinh tâm hy hữu, khởi lòng cung kính. Ngài Ca-diếp nghe Đức Phật nói rồi, thường tu học hạnh Phật, Từ bi cứu độ những chúng sinh đau khổ. Đã có tâm Từ bi mà bỏ giàu theo nghèo là ý gì? Vì Ca-diếp cho rằng người nghèo là do xưa không gieo trồng phước nghiệp, nên nay gặp phải báo này, nếu nay chẳng độ họ thì đời sau càng nghèo khổ thêm. Cũng cho rằng đến nhà giàu thì sẽ bị nghi là vì danh lợi. Vả lại, giàu thì chẳng thấy đời sau mà chỉ biết hiện hưởng thọ sự vui thú. Cũng cho rằng người giàu thường có tâm khinh mạn phóng túng giáo hóa, người nghèo thì biết khổ, có tâm nhàm chán, nên dễ độ. Sinh khởi việc theo và bỏ đều do dị kiến mà thôi. Vì thế ông Duy-ma chê trách là không có tâm Từ bi rộng khắp và dạy cho lòng bình đẳng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngài Ca-diếp là vị đệ tử Đệ nhất khổ hạnh, thuộc dòng Ba-la-môn, họ là Ca-diếp.

**Chánh văn:** *“Ông nên đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật!” Ngài Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng kham nhận đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Nhớ khi xưa, con đến một xóm nghèo kia khát thực.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ngài Ca-diếp thực hành thiếu dục, là bậc nhất trong hạnh Đầu-đà, đã đạt được Tam-muội diệt hết rất thù thắng. Phàm người đã được

diệt hết định thì có thể làm phước điền ở hiện đời cho mọi người. Ngài tự mong rằng có thể làm cho người được phước ở đời này, mà người nghèo thì có khổ não bức bách, nên muốn dùng đại Bi mà cứu vớt. Khất thực là một hạnh của Đầu-đà. Vả lại, đến xóm nghèo thì có hành tích hợp với hạnh thiếu dục hơn.

**Chánh văn:** *Bấy giờ, ông Duy-ma đến nói với con rằng: “Thưa ngài Đại Ca-diếp! Ngài có tâm Từ bi mà không được rộng khắp, bỏ nhà giàu đến nhà nghèo khất thực.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngài Ca-diếp cho rằng người nghèo là do trước kia không gieo trồng phước đức, nên nay sinh vào xóm nghèo; nếu nay không tích tập các thiện thì sau này nghèo khổ càng nhiều. Vì xót thương cảnh khổ dài lâu cho nên thường đến nhà nghèo khất thực. Ông Tịnh Danh cho rằng ngài Ca-diếp bỏ giàu theo nghèo cho nên chê trách là tâm từ bi chẳng rộng khắp.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đến nhà nghèo khất thực, vốn lấy tâm Từ bi làm chủ, nên trước chê trách tâm Bi có thiên vị. Phàm nghèo thì khổ bức thiết giao kết nhau, cần phải cứu giúp trước, thế thì đâu có gì là thiên lệch? Nhưng đối với người chẳng đạt lý thì đó là thiên; mà dùng có thiên lệch là do sai lầm vậy.

**Chánh văn:** *Ngài Ca-diếp! Trụ nơi pháp bình đẳng, nên theo thứ tự hành khất thực.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sinh tử luân chuyển, giàu nghèo vô thường, hoặc đời này giàu đời sau nghèo, hoặc nay giàu sau nghèo. Nhìn chung thì giàu nghèo chẳng khác. Vì thế phàm trụ nơi pháp bình đẳng, nên theo thứ tự mà khất thực, chẳng nên bỏ giàu đến nghèo.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã dùng tâm Bi khất thực mà khất thực lại có thiên lệch, cho nên kể đó chê trách khất thực thiên lệch. Khất thực có bốn việc, theo thứ tự hành khất thực là một, thứ tự hành tức là vì pháp không vượt thứ tự, không vượt thứ tự tức là theo bình đẳng mà đến. Nay chỉ đến xóm nghèo, tuy chẳng trái việc ấy, nhưng lại tổn thương đến ý. Trụ nơi pháp bình đẳng, tức người xuất gia vốn cầu Niết-bàn, Niết-bàn thì bình đẳng trụ nơi ấy. Vả lại, trụ nơi pháp bình đẳng thì lý chẳng trái tình, cho nên nói phải theo thứ tự mà hành khất thực.

**Chánh văn:** *Vì chẳng thọ thực nên hành khất thực.*



Ngài La-thập nói:

- Tức là thật tướng của thực, nên dụng tâm này mà khát thực.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chẳng thọ thực tức là pháp Niết-bàn. Niết-bàn không có các họa hoạn, sinh tử, đói khát, lạnh nóng, đạo ấy bình đẳng, há có phân biệt ư? Nên dùng tâm bình đẳng này mà hành khát thực, khiến cho nhân quả chẳng khác nhau.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khát thực có hai: Tại gia vì sự sinh sống nên cần phải khát thực, nên có nghiệp sinh nhai, nghiệp này đã phồn thịnh thì điều ác tăng nhiều, nghiệp thịnh ác nhiều thì sinh tử càng tăng. Đó là dùng khát thực để tăng trưởng khát thực, nếu muốn dứt tuyệt khát thực thì không thể không xuất gia, xả bỏ nghiệp sinh nhai. Đã xả bỏ nghiệp sinh nhai thì không có vật dụng để nuôi sống, thế thì không thể không khát thực để giữ gìn sắc thân mà tu đạo. Cho nên nói: “Vì chẳng thọ thực nên hành khát thực”. Chẳng thọ thực là pháp bình đẳng, nhưng nay có thiên lệch là trái ngược vậy.

**Chánh văn:** *Vì phá hoại tướng hòa hợp, cho nên cần phải nhận đoàn thực (thức ăn nắm vắt thành viên).*

Ngài La-thập nói:

- Tướng hòa hợp là đoàn thực. Thức ăn có bốn loại:

1. Đoàn thực.
  2. Nguyện thực, như thấy bao cát mà sinh mạng chẳng tuyệt, là nguyện thực.
  3. Nghiệp thực, như chúng sinh ở địa ngục chẳng ăn mà vẫn sống, đó là do tội nghiệp nên người ấy cần phải sống để chịu thống khổ dài lâu.
  4. Thức thực, chúng sinh ở cõi Vô sắc thức tướng tương tục.
- Hoại tướng hòa hợp tức là thật tướng, khiến họ dùng tâm này mà hành khát thực.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Năm ấm và đoàn thực đều có tướng hòa hợp. Hoại tướng hòa hợp của năm ấm tức là Niết-bàn, nên dùng tâm này mà nhận vắt cơm (đoàn thực), nếu thế thì suốt ngày nhận đoàn thực, suốt ngày Niết-bàn.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nhận lấy đoàn thực gồm ba nghĩa, phạm thức ăn ở cõi dục là đoàn thực; đoàn thực tức là thức ăn nắm vắt thành viên (nắm, vắt lại thành viên) là vật hòa hợp. Vì tùy nghĩa mà gọi như thế. Hoại hòa

hợp, tức là phá hoại sự hòa hợp của năm ấm. Niết-bàn tức là năm ấm hủy hoại.

**Chánh văn:** *Vì chẳng thọ nhận, cho nên nhận thức ăn của người.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chẳng thọ nhận cũng là pháp Niết-bàn. Phàm vì Niết-bàn mà hành khát thực, nên dùng tâm chẳng thọ nhận mà nhận thức ăn của người, thế thì suốt ngày nhận mà chưa từng có nhận.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Vì thọ có bốn. Nói chẳng thọ nhận tức chẳng thọ nhận sinh tử.

**Chánh văn:** *Vì tưởng “không tụ” mà vào các thôn xóm.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Không tụ (làng vắng) cũng là tướng Niết-bàn. Phàm vào làng xóm, nên giữ tướng này, nếu thế thì suốt ngày là làng xóm mà suốt ngày là làng vắng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Kế đó chê trách ngài Ca-diếp hành hạnh thiếu dục. Nếu thấy có người kia giàu người này nghèo rồi bỏ giàu, đến nghèo mà cho là thiếu dục, thì đó là thấy ác nhiều, thấy ác nhiều thì tránh khỏi nhiều, thế thì chẳng thể gọi là thiếu được. Vì thế dùng tướng không tụ mà vào làng xóm, chớ nên thấy có người giàu nghèo.

**Chánh văn:** *Thấy sắc như mù.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nhị thừa chán ghét sinh tử, sợ hãi sáu trần, cho nên dạy họ dùng bình đẳng quán. Nói mù, tức chẳng thấy đẹp xấu khác nhau, chứ chẳng phải nói nhắm mắt không thấy.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tham dục của sáu trần rất nhiều, nếu có thể “không” ở nơi đó, thì sau mới tránh khỏi được.

**Chánh văn:** *Nghe âm thanh như vang.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chưa có việc vì tiếng vang của núi mà dẫn đến vui, giận.

**Chánh văn:** *Ngửi mùi cũng như gió.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thơm hôi nhân nơi gió, mà gió thì chẳng có thơm hôi, nắm bắt thì chẳng giữ được.

**Chánh văn:** *Nếm vị thì không phân biệt.*

Ngài La-thập nói:

- Pháp không có định tánh, do phân biệt chấp tướng gọi đó là

vị, nếu chẳng phân biệt thì chẳng có vị, tuy có nếm mà nên như bản tướng.

**Chánh văn:** *Xúc chạm như trí chứng.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩa chẳng đồng như xúc, khi xúc chạm nên như dùng trí mà xúc chạm thật tướng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Được Lộ tận trí, Vô sinh trí, tự chứng thành Phật đạo, toàn thân nhẹ nhàng khoan khoái mà chẳng sinh chấp trước, thân nhận sự xúc chạm cũng nên như thế.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tiếng Phạm thì từ trí chứng và xúc có âm gần giống nhau, cho nên lấy đó làm dụ. Niết-bàn là cảnh giới chứng ngộ của trí.

**Chánh văn:** *Biết các pháp như tướng huyễn, không có tự tánh, không có tha tánh.*

Ngài La-thập nói:

- Năm ngón tay thành quyền, cho nên không có tự tánh, các ngón tay cũng như thế, nên không phải tha tánh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các pháp như huyễn, từ nhân duyên sinh, há có tự tha để được ư? Phàm có tự nên có tha, có tha nên có tự, không có tự thì không có tha, không tha thì cũng không tự.

**Chánh văn:** *Xưa vốn chẳng sinh thì nay chẳng diệt.*

Ngài La-thập nói:

- Ngài Ca-diếp cho rằng diệt sinh tử thì có thể làm phước điền; cho nên dùng chẳng sinh để nói về không diệt, hầu dứt trừ kiến giải kia.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Như lửa có cháy thì có tắt, pháp tánh thường không, vốn tự chẳng khởi, thì nay nào có diệt, giống như giải thích pháp sở đối của ý.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Từ tha sinh nên không có tự tánh, đã không có tự tánh, há có tha tánh ư? Thế thì vốn tự chẳng sinh thì nào có diệt, vì thế nói như huyễn.

**Chánh văn:** *Này Ca-diếp! Nếu chẳng thể xả tám tà vào tám giải thoát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tám tà và tám giải thoát, bản tánh là thường nhất, khéo quán tám tà tức là vào tám giải thoát, há bỏ tà mà cầu tám giải thoát được ư? Nếu có thể như thế, gọi là vào giải thoát.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Sau cùng là chê trách ngài Ca-diếp dùng diệt hết định để làm phước điền cho người là chẳng thể được. Nếu dùng định mà muốn làm phước điền cho người, thì Diệt hết định khác với tám tà, vậy đã có dị tâm thì chẳng thể làm phước điền. Nếu có thể chẳng bỏ tám tà mà vào tám Giải thoát, thì chẳng khác (dị tâm).

**Chánh văn:** *Dùng tướng tà mà vào chánh pháp.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu bản tánh thường nhất thì tà chánh nhập vào nhau, chẳng trái các tướng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trước nói tám việc, còn nay thì nói nghĩa tà chánh.

**Chánh văn:** *Dùng một bữa ăn mà ban cho tất cả, cúng dường chư Phật và các Hiền Thánh, sau đó mới thọ thực.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Dùng Pháp thí vô ngại để chỉ dạy. Nếu tà chánh bình đẳng, lại có thể dùng một bữa ăn, với tâm bình đẳng ban phát cho tất cả chúng sinh, cúng dường chư Phật và Hiền Thánh, đó mới đáng dùng món ăn của người. Bồ thí vô ngại nghĩa là phạm được thức ăn, đầu tiên cần phải khởi tâm ban cho tất cả chúng sinh, sau đó mới được thọ thực. Nếu được Pháp thân thì luôn chân thật làm cho đầy đủ tất cả, như một bát cơm nói ở sau. Nếu chưa được Pháp thân thì chỉ khởi tâm bình đẳng ban phát tất cả, đó là pháp bồ thí vô ngại.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khất thực được nhiều mà ở nơi chúng, thì trước nên phân cho các thượng hạ tọa, đó là cúng dường. Nếu bình đẳng giải thoát thì không đâu không cúng dường. Sức mình đã được như thế thì sau mới có thể làm phước điền cho người.

**Chánh văn:** *Thọ thực như thế, chẳng có phiền não chẳng lìa phiền não.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Có phiền não mà thọ thực là hàng phạm phu, lìa phiền não mà thọ thực là Nhị thừa. Nếu có thể bình đẳng thọ thực như đã nói thì đó là thọ thực của Pháp thân, tức chẳng có phiền não mà thọ thực, chẳng lìa phiền não mà thọ thực.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã nhận thức ăn mà thọ thực rồi lẽ ra phải đấm trước các vị sinh phiền não, nhưng vì tâm giải thoát mà thọ thực, thì không sinh phiền

não, nên nói chẳng có phiền não, đã không có phiền não. Vả lại, chẳng thấy cơ lìa.

**Chánh văn:** *Chẳng nhập định ý, chẳng khởi định ý.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Hàng Tiểu thừa nhập định thì chẳng thọ thực, thọ thực thì chẳng nhập định, còn pháp thân Đại sĩ thì suốt ngày thọ thực mà suốt ngày nhập định, nên không có danh từ xuất nhập.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Theo pháp thọ thực của Tỳ-kheo, thì khi thọ thực phải thực hành pháp quán bất tịnh mà quán thức ăn. Tuy nhập định này nhưng chẳng thấy có nhập, chẳng thấy có nhập thì chẳng nhập định chẳng xuất định.

**Chánh văn:** *Chẳng trụ thế gian, chẳng trụ Niết-bàn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Muốn nói trụ thế gian, thì pháp thân bất thế tục, muốn nói trụ Niết-bàn thì hiện thọ thực đồng với thế tục.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thức ăn đầy đủ cho thân thì mệnh tồn tại trụ ở thế gian, mệnh đã tồn tại ở thế gian, thì hành đạo để đạt đến Niết-bàn, cho nên chẳng trụ ở cả hai.

**Chánh văn:** *Người bố thí.*

Ngài La-thập nói:

- Cho đến chẳng nương vào Thanh văn, đó là điều mà thí chủ đạt được.

**Chánh văn:** *Không được phước lớn, không có phước nhỏ, chẳng được lợi ích, chẳng bị tổn hại.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu có thể dùng tâm bình đẳng thọ thực, thì có giáo pháp bình đẳng, có giáo pháp bình đẳng thì thí chủ đồng đạt được sự bình đẳng, không tính đến sự lớn nhỏ của phước, sự ích lợi hay tổn hại tự kỷ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Người tu bình đẳng thì được quả báo bình đẳng, nên thí chủ cũng chẳng thấy có phước lớn nhỏ.

**Chánh văn:** *Đó chính là vào Phật đạo, chẳng nương theo hạnh Thanh văn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bình đẳng khát thực thì được tự lợi và lợi tha, nên chân chánh vào Phật đạo mà chẳng nương vào đạo Thanh văn.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Được quả báo bình đẳng thì chẳng thiên lệch về Tiểu thừa.

**Chánh văn:** *Thưa ngài Ca-diếp! Nếu thọ thực như thế thì chẳng luống uổng thức ăn của người.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tức thọ thực ắt phải có ích lợi. Ngài Đạo Sinh nói:

- Nói ắt có thể làm phước điền cho người, thế thì chẳng phải chỉ cứu giúp kẻ bần khổ mà rốt cuộc còn được quả Đại thừa.

**Chánh văn:** *Bạch Thế Tôn! Bây giờ, con nghe những lời ấy thì đạt được điều chưa từng có, liền khởi tâm cung kính tất cả các Bồ-tát, và tự nghĩ rằng: “Người này là một Cư sĩ đầy đủ trí tuệ biện tài mới có thể được như thế, ai nghe mà chẳng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bây giờ, cho rằng một Đại sĩ tại gia mà trí tuệ biện tài còn như thế, thì ai mà chẳng phát tâm vô thượng.

**Chánh văn:** *Từ nay về sau con chẳng dạy cho người hạnh Thanh văn và Bích-chi-Phật.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Vừa biết được pháp Nhị thừa kém, liền chẳng dùng để dạy cho người.

**Chánh văn:** *Vì thế con chẳng kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

